

STT	DIỄN GIẢI	PA ĐANG THỰC HIỆN	PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022	GHI CHÚ (những điểm mới)
	Trang Web (hoặc phần mềm)	https://lamnghiep.gso.gov.vn	https://lamnghiep.gso.gov.vn	
	Quyết định số/ngày/tháng/năm	QĐ số 1591/QĐ-TCTK, ngày 12/11/2020		Không có thay đổi Phương án
	TÊN CUỘC ĐIỀU TRA	ĐIỀU TRA LÂM NGHIỆP	ĐIỀU TRA LÂM NGHIỆP	
I	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA			
II	PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA			
1	Phạm vi điều tra	Cuộc điều tra được tiến hành tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có rừng,		
2	Đối tượng điều tra	Rừng sản xuất; Rừng phòng hộ; Rừng đặc dụng; Cây giống lâm nghiệp; Cây lâm nghiệp trồng		
3	Đơn vị điều tra	Thôn ấp, bản, tổ dân cư,... có rừng; Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp tác xã và tổ chức kinh		
III	LOẠI ĐIỀU TRA			
1	Điều tra toàn bộ	Áp dụng cả điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu		
2	Điều tra chọn mẫu			
IV	THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA			
1	Thời điểm điều tra	Thời điểm điều tra: 01/01 hàng năm		
2	Thời gian điều tra	15 ngày, bắt đầu từ ngày điều tra		
3	Thời kỳ thu thập thông tin	- Số liệu thời điểm: Tại thời điểmr 01/01 năm điều tra		
		- Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, từ ngày 01/01		
4	Phương pháp điều tra			
	Thu thập số liệu trực tiếp	Đối với hộ mẫu được chọn điều tra		
	Thu thập số liệu gián tiếp	Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý rừng, tổ chức kinh tế và tổ chức khác là chủ		
V	NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA			
1	Nội dung điều tra	Cuộc điều tra nhằm thu thập các thông tin:		
		- Diện tích rừng trồng mới;		
		- Diện tích rừng trồng được chăm sóc;		
		- Diện tích rừng tự nhiên được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh;		
		- Diện tích ươm giống và số cây giống lâm nghiệp sản xuất;		
		- Số cây lâm nghiệp trồng phân tán;		

STT	DIỄN GIẢI	PA ĐANG THỰC HIỆN	PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022	GHI CHÚ (những điểm mới)
		- Diện tích và sản lượng gỗ khai thác;		
		- Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ khai thác, thu nhập từ rừng và từ cây lâm nghiệp		
2	Phiếu điều tra	- Diện tích và sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm;		
		- Diện tích rừng được bảo vệ;		
		- Chi phí hoạt động trồng và chăm sóc rừng trồng;		
		- Doanh thu bán ra của các sản phẩm lâm nghiệp và các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;		
		Trong cuộc điều tra này sử dụng 6 loại phiếu, bao gồm:		
		- Phiếu số 01/ĐTLN-THON: Phiếu thu thập thông tin kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp của hộ		
		- Phiếu số 02/ĐTLN_DN,TCK: Phiếu thu thập thông tin kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp của		
		- Phiếu số 03/ĐTLN-HM-GO: Phiếu thu thập thông tin sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng của hộ;		
		- Phiếu số 04/ĐTLN-HM-LS: Phiếu thu thập thông tin sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng		
		- Phiếu số 05/ĐTLN-HM-LSTD: Phiếu thu thập thông tin diện tích và sản lượng lâm sản trọng điểm		
		- Phiếu số 06/ĐTLN-HO-GIONG: Phiếu thu thập thông tin về kết quả sản xuất cây giống lâm nghiệp		
VI	QUY MÔ MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU			
1	Quy mô mẫu			
	a. Điều tra sản lượng gỗ khai thác	Số lượng hộ có rừng trồng được khai thác trong 12 tháng qua của 1 nhóm gỗ	Số lượng hộ mẫu	
		Từ 1000 hộ trở lên	5,5% số hộ nhưng không quá 60 hộ/nhóm gỗ	
		Từ 500 hộ đến 999 hộ	6%	
		Từ 300 hộ đến 499 hộ	9%	
		Từ 100 hộ đến 299 hộ	12%	
		Từ 50 hộ đến 99 hộ	20%	
		Dưới 50 hộ	Điều tra 30% số hộ; nếu tổng số hộ có rừng trồng được khai thác dưới 10 hộ thì điều tra toàn bộ.	
	b. Điều tra sản lượng gỗ từ cây lâm nghiệp trồng phân tán và sản lượng lâm sản ngoài gỗ khai thác và thu nhập. (Mỗi thôn điều tra 10 hộ/thôn)	Số lượng thôn có rừng	Số lượng thôn mẫu	
		Từ 1000 thôn trở lên	1,4% số thôn nhưng không quá 17 thôn/tỉnh	
		Từ 500 thôn trở lên	1,6%	
		Từ 300 thôn đến 499 thôn	2,7%	
		Từ 100 thôn đến 299 thôn	4,0%	

STT	DIỄN GIẢI	PA ĐANG THỰC HIỆN	PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022	GHI CHÚ (những điểm mới)
		Dưới 100 thôn	7%. Nếu tổng số thôn dưới 70 thôn thì điều tra 5 thôn/tỉnh	
	c. Điều tra sản lượng lâm sản trọng điểm trồng và cho thu hoạch trong 12 tháng qua.	Mỗi tỉnh chọn từ 1 đến 3 loại lâm sản trọng điểm trồng phổ biến ở địa phương hoặc chiếm tỷ trọng giá trị cao trong tổng giá trị sản phẩm lâm nghiệp của tỉnh. Mỗi loại lâm sản trọng điểm điều tra từ 20 đến 30 hộ mẫu/tỉnh.		
2	Phương pháp chọn mẫu			
	a. Điều tra sản lượng gỗ khai thác	Bước 1: Tổng hợp danh sách hộ có rừng trồng được khai thác trong 12 tháng qua theo từng nhóm gỗ (có tổng cộng 8 nhóm gỗ được đánh mã từ 1 đến 8) từ BẢNG KÊ số 01/BK		
		Bước 2: Chọn hộ mẫu		
		Căn cứ vào số hộ được lập theo từng nhóm gỗ từ bước 1 trên địa bàn toàn tỉnh và tỷ lệ hộ mẫu quy định cho từng nhóm quy định ở bảng số 01, tính toán số lượng hộ mẫu cho từng nhóm gỗ và tiến hành chọn hộ mẫu theo khoảng cách chọn như sau:		
		Hộ mẫu đầu tiên được chọn ngẫu nhiên trong khoảng thứ tự từ 1 đến k của danh sách (hộ thứ i). Sử dụng chương trình Excel trên máy tính để chọn ra số ngẫu nhiên i nằm trong khoảng từ 1 đến k (i<k) bằng câu lệnh RANDBETWEEN(1, k).		
		Trong đó: k là khoảng cách chọn hộ được xác định theo Công thức (1); k có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.		
		Các hộ tiếp theo được chọn máy móc tương ứng với bước nhảy: $i+ k; i+2k; \dots; i+(n-1)k$, trong đó n là số lượng hộ mẫu của tỉnh. Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.		
		Các hộ được chọn tiếp theo là các hộ có số thứ tự 8; 13; 18,... trong danh sách hộ.		
		Sau khi chọn đủ số lượng hộ mẫu theo quy định, tiến hành lập danh sách các hộ mẫu theo thứ tự từ 1 đến n theo từng loại nhóm gỗ khai thác (từ nhóm 1 đến nhóm 8).		
		b. Điều tra sản lượng gỗ từ cây lâm nghiệp trồng phân tán và sản lượng lâm sản ngoài gỗ khai thác và thu nhập. (Mỗi	Áp dụng phương pháp chọn mẫu hệ thống 2 cấp. Các bước chọn lần lượt như sau:	
các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 và được cập nhật theo danh sách các đơn vị hành chính các cấp mới nhất của tỉnh, và thứ tự các thôn.				

STT	DIỄN GIẢI	PA ĐANG THỰC HIỆN	PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022	GHI CHÚ (những điểm mới)
	thôn điều tra 10 hộ/thôn)	Lưu ý: Danh sách THÔN CÓ RỪNG trên không bao gồm danh sách các THÔN không có rừng.		
		Bước 2: Chọn thôn mẫu: Từ danh sách thôn điều tra được lập ở bước 1, tiến hành tính toán số lượng thôn mẫu theo tỷ lệ ở bảng <i>Bảng 02</i> . Sau khi có số lượng thôn mẫu, chọn thôn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống theo khoảng cách chọn (k) như sau:		
		Khoảng cách chọn thôn mẫu (k) =	Tổng số thôn có rừng của toàn tỉnh	
			Số lượng thôn mẫu	
		Chọn thôn mẫu đầu tiên và thôn mẫu tiếp theo tương tự như cách chọn ở mục b, phần 1 ở trên.		
		Bước 3: Chọn hộ mẫu		
		Căn cứ vào danh sách các thôn mẫu được chọn ở bước 2, tiến hành lập danh sách các hộ thuộc thôn mẫu theo thứ tự từ đầu thôn đến cuối thôn (tham khảo danh sách bảng kê hộ được lập theo từng địa bàn điều tra sử dụng trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016) và tiến hành chọn mỗi thôn mẫu 10 hộ mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Phương pháp chọn tương tự chọn hộ khai thác gỗ ở mục trên.		
		Sau khi chọn đủ số lượng hộ mẫu theo quy định, tiến hành lập danh sách các hộ mẫu theo thứ tự từ 1 đến n theo từng thôn mẫu.		
	c. Điều tra sản lượng lâm sản trọng điểm trồng và cho thu hoạch trong 12 tháng qua.	Mẫu điều tra sản lượng lâm sản trọng điểm được chọn theo 2 cấp. Các bước chọn lần lượt như		
		Bước 1: Lập danh sách toàn bộ các xã có diện tích trồng cây lâm sản trọng điểm căn cứ vào		
Bước 2: Mỗi xã mẫu tiến hành chọn từ 6 đến 10 hộ có diện tích trồng và cho thu hoạch loại lâm				
Sau khi chọn đủ số lượng hộ mẫu theo quy định, tiến hành lập danh sách các hộ mẫu theo thứ				
VII	NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP			